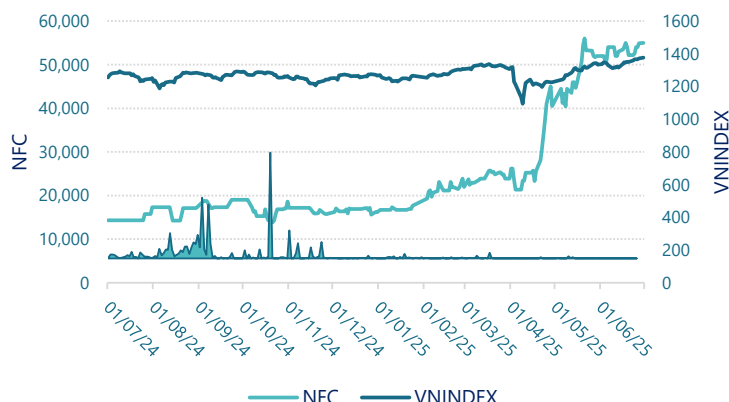


CTCP Phân lân Ninh Bình (HNX: NFC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	55,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	56,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,863
SL cổ phiếu LH	15,731,260
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,920
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	865
P/E	10.2
EPS	5,390

DT thuần

Q2/25

371

tỷ VNĐ

QoQ: ▼82.0| -18.1%

YoY: ▲ 75.0| 25.4%

LN sau thuế

Q2/25

28.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.5| -27.0%

YoY: ▲ 12.2| 75.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.8%

+/- YoY: ▲ 3.0%

DT thuần

6T 2025

824

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 248| 43.1%

LN sau thuế

6T 2025

67.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 40.6| 154%

ROE

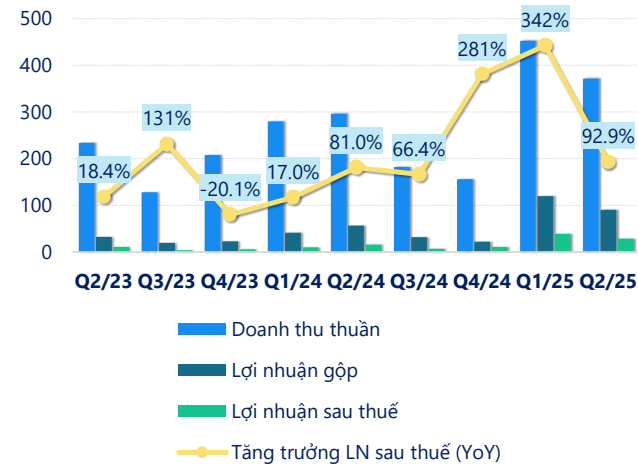
Q2/25

37.2%

+/- YoY: ▲ 19.2%

tỷ VNĐ

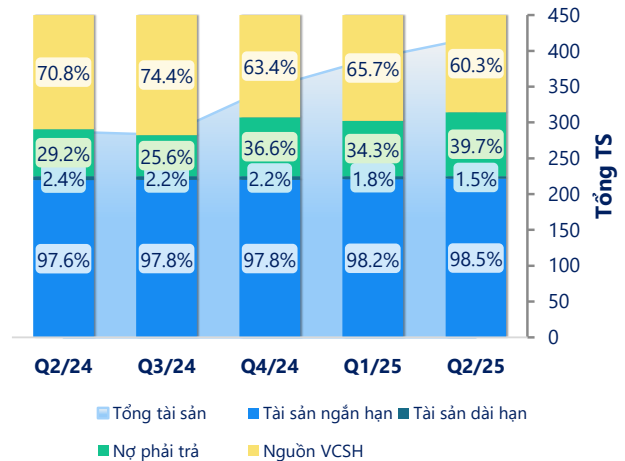
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

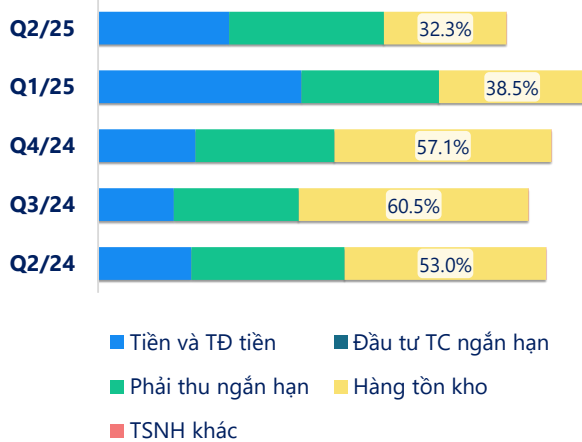
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



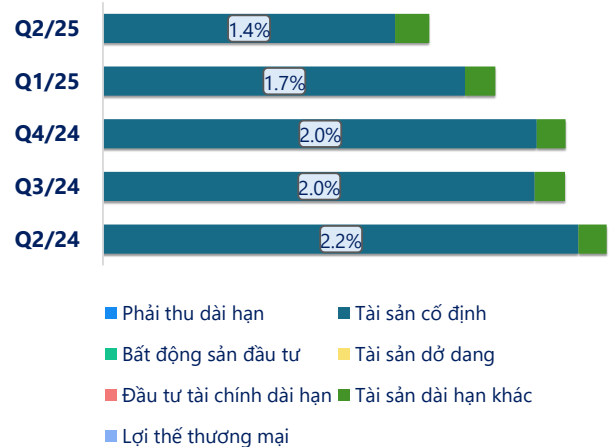
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

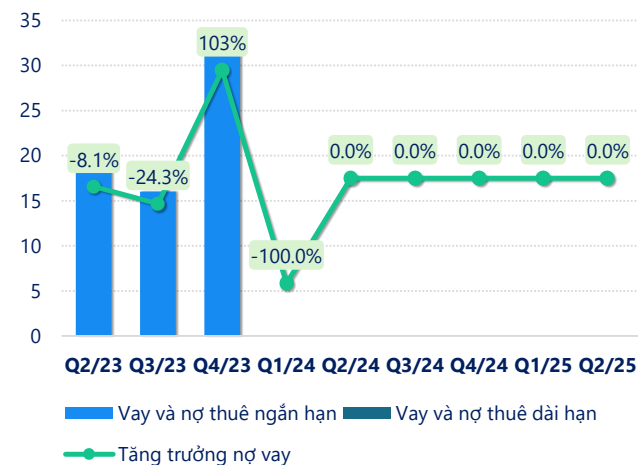
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

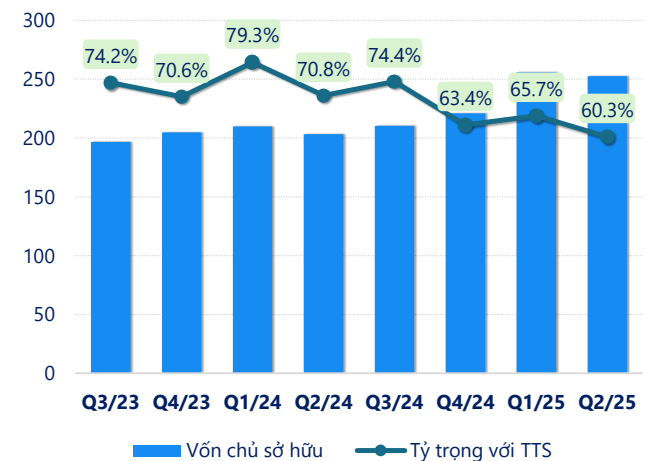
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

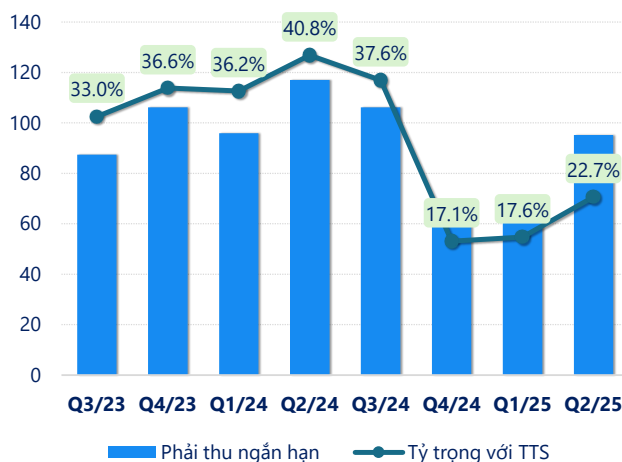
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



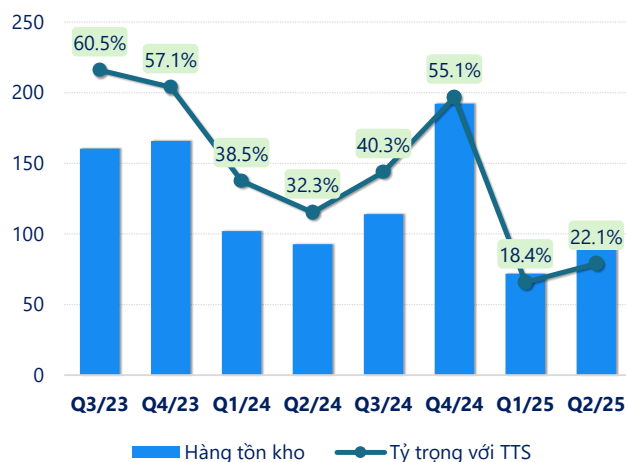
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


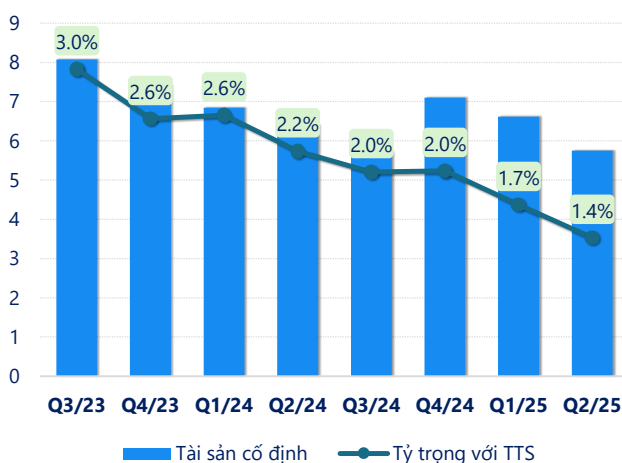
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


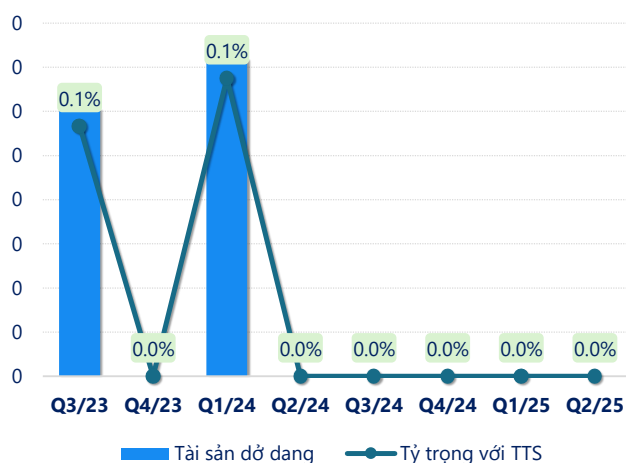
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

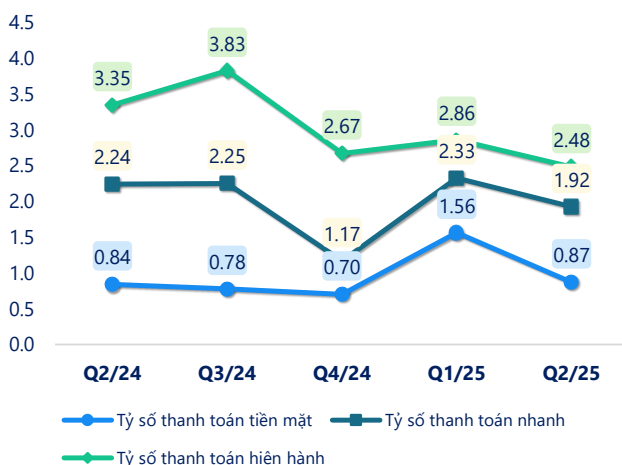
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

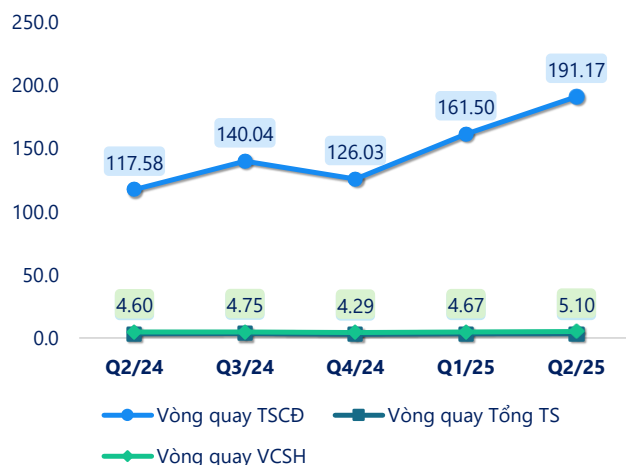
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	287	283	349	390	419
Tài sản ngắn hạn	280	276	341	382	413
Tiền và tương đương tiền	70.5	56.3	89.6	209	145
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	30.0	77.0
Phải thu ngắn hạn	117	106	59.6	68.5	95.2
Hàng tồn kho	92.7	114	192	71.7	92.6
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0.06	0.08	3.41	3.10
Tài sản dài hạn	6.80	6.14	7.59	7.19	6.43
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0
Tài sản cố định	6.41	5.72	7.11	6.62	5.75
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.38	0.41	0.47	0.56	0.67
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	83.8	72.2	128	134	166
Nợ ngắn hạn	83.8	72.2	128	134	166
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	38.5	25.3	16.3	43.3	39.6
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	203	210	221	256	253
Vốn chủ sở hữu	203	210	221	256	253
Vốn điều lệ	157	157	157	157	157
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)